

Số: 08.346 /BCKT-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng quản trị
Các thành viên Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MAI LINH**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31/12/2007, báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ kết thúc vào cùng ngày nêu trên của Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh và các công ty con (dưới đây gọi chung là "Tập đoàn"). Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh (dưới đây gọi tắt là "Công ty") chịu trách nhiệm về lập và trình bày các báo cáo tài chính này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có cơ sở kết luận là các báo cáo tài chính có tránh khỏi sai sót trọng yếu hay không. Trên cơ sở thử nghiệm, chúng tôi đã khảo sát một số bằng chứng làm căn cứ cho các số liệu chi tiết trong báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Công ty thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

Tuy nhiên, ý kiến của chúng tôi bị hạn chế bởi các vấn đề sau:

1. Vào ngày 10/05/2008, chúng tôi cũng đã phát hành báo cáo kiểm toán số 08.114/BCKT.2 để trình bày ý kiến về báo cáo tài chính của Công ty (báo cáo riêng) cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2007. Báo cáo kiểm toán nêu trên đưa ra ý kiến ngoại trừ đối với một phần giá trị các khoản mục của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2007. Vì vậy, chúng tôi không thể xác định sự hợp lý của số dư của các khoản mục tương ứng cũng như không thể đưa ra những đánh giá đầy đủ về ảnh hưởng tiềm tàng của các vấn đề ngoại trừ trong báo cáo kiểm toán nêu trên đối với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2007.
2. Cùng ngày với báo cáo kiểm toán này, chúng tôi cũng đã phát hành báo cáo kiểm toán số 08.346D/BCKT để trình bày ý kiến về báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Tập đoàn Mai Linh Tây Nam Bộ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2007. Báo cáo kiểm toán nêu trên từ chối đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính của công ty cổ phần Tập đoàn Mai Linh Tây Nam Bộ kết thúc vào ngày 31/12/2007.
3. Các báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất đã được kiểm toán với ý kiến ngoại trừ đối với một phần giá trị các khoản mục của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2007, các báo cáo kiểm toán với ý kiến ngoại trừ được chi tiết như sau:

<i>Tên công ty</i>	<i>Số Báo cáo Kiểm toán</i>	<i>Ngày phát hành</i>
- Công ty CP Mai Linh Thủ Đức		
- Công ty CP Tập đoàn Mai Linh Đông Bắc Bộ	119/2008/BCKT-AFCHN	09/04/2008
- Công ty CP Tập đoàn Mai Linh Bắc Trung Bộ	385/BCKT-AAC	31/03/2008
- Công ty Cổ Phần Mai Linh Bình Định	08.346A/BCKT-DTL	13/08/2008
- Công ty CP Mai Linh DakLak	08.346B/BCKT-DTL	23/08/2008
- Công ty Cổ Phần Mai Linh Gia Lai	08.346C/BCKT-DTL	13/08/2008
- Công ty Cổ Phần Mai Linh Quảng Ngãi	30/2008/AFCC/BCKT-TC	25/03/2008
- Công ty CP Tập đoàn Mai Linh Đông Nam Bộ	08.346N/BCKT-DTL	30/03/2008
- Công ty CP Mai Linh Tiền Giang		
- Công ty CP Mai Linh An Giang		
- Công ty CP Mai Linh Cà Mau		
- Công ty CP Taxi Chợ Lớn	08.346H/BCKT-DTL	28/09/2008
- Công ty CP Xe cho Thuê Mai Linh	08.357/BCKT-DTL	14/08/2008
- Công ty CP Sửa chữa Ô tô Mai Linh	08.346K/BCKT-DTL	22/08/2008
- Công ty CP Dệt May Hạnh Linh	08.341 /BCKT-DTL	05/09/2008
- Công ty CP Đại lý Vận tải Hàng Không Mai Linh	08.363/BCKT-DTL	26/08/2008
- Công ty CP Vận tải Tốc hành Mai Linh	08.353 /BCKT-DTL	25/08/2008
- Công ty CP Sản xuất & Thương mại (MTC)		

4. Như được nêu tại mục 1.6 của Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có hợp nhất quyền lợi dựa trên báo cáo tài chính của các công ty liên doanh, liên kết chưa được kiểm toán.
5. Như đã nêu ở Mục 4.14 của Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, do đây là năm đầu tiên Tập đoàn thực hiện lập Báo cáo tài chính hợp nhất, vì vậy số liệu so sánh của Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn là số hợp cộng, riêng báo cáo lưu chuyển tiền tệ thì không có số liệu so sánh năm trước.
6. Như được nêu tại mục 4.15 của Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có hợp nhất báo cáo tài chính của các công ty con chưa được kiểm toán.

(tiếp theo trang 6)


Ý kiến của kiểm toán viên

Do những hạn chế của các vấn đề nêu trên đối với báo cáo tài chính hợp nhất năm 2007, chúng tôi không đủ cơ sở để đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của niên độ kết thúc vào cùng ngày nêu trên.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 09 năm 2008
KIỂM TOÁN VIÊN

TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐẶNG XUÂN CẢNH
Chứng chỉ KTV số: D.0067/KTV


BÙI VĂN BỒNG
Chứng chỉ KTV số: 0177/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MAI LINH VÀ CÁC CÔNG TY CON
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm (hợp nhất)	Số đầu năm (hợp cộng)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.246.566.320.164	822.278.371.327
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110		153.215.237.228	156.116.145.675
1. Tiền	111	5.1	153.215.237.228	156.116.145.675
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120		173.454.967.254	128.803.241.904
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5.2	173.454.967.254	128.803.241.904
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<i>III. Các khoản phải thu</i>	130	5.3	582.961.819.580	343.428.785.608
1. Phải thu khách hàng	131		174.281.619.296	102.951.583.002
2. Trả trước cho người bán	132		67.110.874.907	34.350.835.395
3. Phải thu nội bộ	133		-	7.623.109.456
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		341.701.206.247	198.603.475.861
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(131.880.870)	(100.218.106)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140		37.145.432.477	11.933.022.036
1. Hàng tồn kho	141	5.4	37.145.432.477	11.933.022.036
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150	5.5	299.788.863.625	181.997.176.104
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		216.620.451.519	130.115.105.005
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		50.052.255.086	9.316.342.423
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		1.679.761.245	1.046.046.432
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		31.436.395.775	41.519.682.244

(Phần tiếp theo trang 08)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MAI LINH VÀ CÁC CÔNG TY CON
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm (hợp nhất)	Số đầu năm (hợp cộng)
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.851.094.743.299	875.679.250.111
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		2.508.554.727	2.889.041.350
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		2.508.554.727	2.889.041.350
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		1.367.933.085.203	683.043.696.318
1. TSCĐ hữu hình	221	5.6	877.587.444.961	372.375.188.924
+ Nguyên giá	222		998.251.624.316	489.686.683.551
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(120.664.179.355)	(117.311.494.627)
2. TSCĐ thuê tài chính	224	5.7	280.625.378.611	306.429.172.592
+ Nguyên giá	225		364.655.957.553	380.385.888.089
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		(84.030.578.942)	(73.956.715.497)
3. TSCĐ vô hình	227	5.8	114.489.218.394	3.167.261.000
+ Nguyên giá	228		115.097.345.025	3.410.217.836
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(608.126.631)	(242.956.836)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.9	95.231.043.237	1.072.073.802
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	240		157.692.000.000	-
+ Nguyên giá	241	5.10	157.692.000.000	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	250	5.11	170.708.946.114	119.563.500.949
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	53.845.862.617
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		34.433.939.919	35.258.961.530
3. Đầu tư dài hạn khác	258		136.275.006.195	30.458.676.802
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
<i>V. Lợi thế thương mại</i>	260		4.080.336.697	-
<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>	270	5.12	148.171.820.558	70.183.011.494
1. Chi phí trả trước dài hạn	271		104.957.654.443	54.405.522.932
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	272		22.352.543.466	-
3. Tài sản dài hạn khác	278		20.861.622.649	15.777.488.562
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		3.097.661.063.463	1.697.957.621.438

(Phần tiếp theo trang 09)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MAI LINH VÀ CÁC CÔNG TY CON
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm (hợp nhất)	Số đầu năm (hợp cộng)
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.865.863.675.833	1.268.771.789.799
I. Nợ ngắn hạn	310		664.237.015.910	438.321.846.892
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.13	266.545.530.809	192.949.938.750
2. Phải trả người bán	312	5.14	115.860.592.524	80.566.060.448
3. Người mua trả tiền trước	313	5.14	32.208.018.330	3.175.596.769
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.15	28.209.102.192	7.970.126.615
5. Phải trả người lao động	315		30.602.035.644	15.282.646.453
6. Chi phí phải trả	316		6.599.450.821	5.095.526.670
7. Phải trả nội bộ	317		-	3.499.043.179
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.16	184.212.285.590	129.782.908.008
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.201.626.659.923	830.449.942.907
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	71.484.967
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		9.462.264.682	8.860.675.389
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.17	1.192.099.537.196	821.517.782.551
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		43.954.411	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc	336		20.903.634	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		830.283.239.444	429.185.831.639
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.18	826.391.022.612	427.352.200.090
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		707.164.270.000	440.811.468.106
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		212.215.962.651	470.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		4.393.358	2.618.500
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.430.083.868	14.260.381
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.486.675.074	(115.429.134)
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		(95.910.362.339)	(13.830.717.763)
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		3.892.216.832	1.833.631.549
1. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431		3.892.216.832	1.833.631.549
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500		401.514.148.186	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.097.661.063.463	1.697.957.621.438

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MAI LINH VÀ CÁC CÔNG TY CON
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	Th. minh	Số cuối năm (hợp nhất)	Số đầu năm (hợp cộng)
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
- USD		51.167,38	17.309,75
- EUR		-	-
- SGD		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 9 năm 2008

Kế toán trưởng



MAI HÀ THANH HÙNG

Tổng Giám đốc




HỒ HUY

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MAI LINH VÀ CÁC CÔNG TY CON

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay (hợp nhất)	Năm trước (hợp cộng)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.280.289.392.808	709.716.916.995
2. Các khoản giảm trừ	02		10.117.345.416	5.620.380.352
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	1.270.172.047.392	704.096.536.643
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	1.047.946.086.357	593.097.915.378
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		222.225.961.035	110.998.621.265
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		58.437.177.915	103.678.076.605
7. Chi phí tài chính	22	6.3	150.174.006.098	105.204.737.999
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		149.302.267.396	104.337.733.838
8. Chi phí bán hàng	24		22.200.073.575	9.276.629.608
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.4	166.086.830.654	101.343.843.987
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(57.797.771.377)	(1.148.513.724)
11. Thu nhập khác	31	6.5	114.048.374.720	40.419.015.972
12. Chi phí khác	32	6.6	89.373.601.371	27.992.514.155
13. Lợi nhuận khác	40		24.674.773.349	12.426.501.817
14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	50		(14.368.499.950)	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		(47.491.497.979)	11.277.988.093
16.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành	61		19.269.553.867	9.093.816.297
16.2 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	62		(22.307.984.257)	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		(44.453.067.589)	2.184.171.796
17.1. Lợi ích của cổ đông thiểu số	71		5.536.505.827	-
17.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	72		(49.989.573.417)	2.184.171.796
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	80		(1.286)	280

Kế toán trưởng

MAI HÀ THANH HÙNG

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 9 năm 2008

Tổng Giám đốc



HỒ HUY

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MAI LINH VÀ CÁC CÔNG TY CON**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp trực tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay
I - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1.348.083.423.970
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá, dịch vụ	02		(1.131.740.427.662)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(316.386.556.982)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(188.753.309.195)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(11.639.288.825)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2.732.774.596.078
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(2.731.788.746.317)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	20		(299.450.308.933)
II - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(776.490.480.762)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		67.346.248.449
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ của đơn vị khác	23		(84.289.798.224)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		45.628.723.610
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(145.955.427.463)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		99.011.079.679
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức, lợi nhuận được chia	27		13.339.172.507
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(781.410.482.204)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MAI LINH VÀ CÁC CÔNG TY CON
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay
III - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		772.282.764.005
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(1.344.073.555)
3. Tiền vay ngắn hạn dài hạn nhận được	33		992.561.137.815
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(571.676.884.763)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(104.073.735.668)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(9.789.903.066)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1.077.959.304.768
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(2.901.486.369)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		156.116.145.675
Ảnh hưởng thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		577.922
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		153.215.237.228

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 9 năm 2008

Kế toán trưởng



MAI HÀ THANH HÙNG

Tổng Giám đốc



HỒ HUY